TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **519**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26/8/2024
V/v : Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Hà Cẩm Hà**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Bùi Thị Hạnh**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Ba Đình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 354/2024/LHST ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1976

HKTT: phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.

Nơi tạm trú: phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

HKTT: phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.

Nơi tạm trú: phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2024, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày như sau:

Ông K và bà Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2013 tại UBND xã Xuân Hồng, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định (được công nhận quan hệ hôn nhân kể từ ngày 05/01/1996). Kể từ khi kết hôn cho tới năm 2020 vợ chồng ông sống chung tại địa chỉ phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hả Nội. Sau đó vợ chồng ông bán nhà và chuyển đến sinh sống tại phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, tuy chung sống cùng nhà nhưng ông và bà T không quan tâm đến nhau mà chỉ trao đổi các vấn đề có liên quan đến con, kinh tế riêng biệt. Từ tháng 3/2024 ông K chuyển đi nơi khác ở, còn bà T ở lại phố Hàng Bún. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm sống, bà T không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho con cái. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng tôi cũng có nói chuyện nhằm giải quyết mâu thuẫn, gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhưng không đạt được kết quả mà mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà ngày càng trầm trọng.

Ông K xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không có biện pháp nào để vợ chồng có thể hòa thuận nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T để tôi sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông K khai giữa ông và bà T có ba con chung là Phạm Thị Huyền T – sinh ngày 20/11/1996 , Phạm Minh P – sinh ngày 03/6/2013 và Phạm Tiến Đ – sinh ngày 02/11/2016. Cháu T hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng. Hai cháu P và Đ còn nhỏ nên khi ly hôn ông K nhận trách nhiệm nuôi hai cháu. Ông K không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Ông K trình bày hiện tại ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ: Ông K trình bày hiện tại ông bà không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông K tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị T: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà T đã không đến làm việc nên Tòa án không ghi được lời khai và cũng không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – ông Phạm Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Về con chung ông K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Minh P và

Phạm Tiến Đ và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: ông K đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; tống đạt và niêm yết văn bản tố tụng cho đương sự; tiến hành phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, xác minh và thu thập chứng cứ đúng quy định.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K; giao hai con chung là Phạm Minh P và Phạm Tiến Đ cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con đối với bà T cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung và nợ chung ông K đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét;

Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn với bị đơn là bà Nguyễn Thị T. Theo xác nhận thông tin về cư trú của Công an phường Ngọc Thụy thì bà T có hộ khẩu thường trú tại phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội và tạm trú tại địa chỉ phường Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội. Đây là tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn đến làm việc nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không ghi được

lời khai và không hòa giải được. Toà án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt; Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình tiến hành xet xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/6/2013 tại UBND xã Xuân Hồng, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định (được công nhận quan hệ hôn nhân kể từ ngày 05/01/1996) theo (giấy chứng nhận kết hôn số 77/2013, quyển số 01). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn ông K và bà T chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu khi mới kết hôn sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì tính cách, lối sống, quan điểm sống không phù hợp. Bà T không quan tâm đến gia đình, không chia sẻ công việc với với ông K nên dẫn đến những xung đột trong gia đình. Tuy ông bà ở cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc đã không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà T đến Tòa án tham gia phiên họp và hòa giải nhưng bà T đã không đến tham gia phiên hòa giải, điều đó thể hiện bà T không thực sự thiện chí muốn vợ chồng được đoàn tụ. Vậy nên căn cứ Điều 56 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K đối với bà T là có căn cứ.

Về con chung: Xác nhận ông K và bà T có ba con chung là Phạm Thị Huyền T – sinh ngày 20/11/1996, Phạm Minh P – sinh ngày 03/6/2013 và Phạm Tiến Đ – sinh ngày 02/11/2016. Cháu T hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng. Hai cháu P và Đ còn nhỏ nên khi ly hôn ông K nhận trách nhiệm nuôi hai cháu. Ông K không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con nên được ghi nhận.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông K trình bày vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Phạm Văn K đối với bà Nguyễn Thị T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn K được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Xác nhận ông K và bà T có ba con chung là: Phạm Thị Huyền T – sinh ngày 20/11/1996 , Phạm Minh P – sinh ngày 03/6/2013 và Phạm Tiến Đ – sinh ngày 02/11/2016. Giao hai con chung là Phạm Minh P và Phạm Tiến Đ cho ông K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị T cho đến khi ông K có yêu cầu.

Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí và quyền kháng cáo: Ông K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0030115 ngày 27/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Ông K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*** *Nơi nhận*:**
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Cẩm Hà